

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

*Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.*

*Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Lai Vung năm 2026- 2027.
- Tên dự toán: Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Lai Vung năm 2026- 2027.
- Địa điểm thực hiện: Xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
- Thời gian thực hiện: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

#### **2. Mục tiêu công việc:**

- Nhằm giữ gìn đô thị sáng, xanh, sạch, đẹp trên địa bàn xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
- Thu gom, vận chuyển rác thải;

#### **3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

Căn cứ trên cơ sở khối lượng rác phát sinh và hiện trạng các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã, phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã như sau:

- Sử dụng xe ép rác chuyên dụng để thu gom, vận chuyển rác thải. Cụ thể: sẽ sử dụng xe 7 tấn, 1,5 tấn và 1,2 tấn.
- Các tuyến đường được bố trí xe thu gom phù hợp với tải trọng cho phép của các tuyến đường và khối lượng rác phát sinh tại các tuyến đường thu gom.
- Phương thức thu gom: Thu gom trực tiếp từ các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp...
- Tuyến đường thu gom: 70 tuyến đường, với chiều dài thu gom khoảng 128,18 km.
- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày
- Khối lượng rác thu gom: khoảng 23,82 tấn ngày.
- Phương án xử lý: Toàn bộ rác thải được thu gom và vận chuyển về Bãi rác Hòa Thành để xử lý.

| Stt | Phương tiện vận chuyển | Chuyến xe | Tên tuyến đường                                               | Khối lượng rác (tấn/ngày) | Chiều dài tuyến đường thu gom (km) | Chiều dài tuyến đường vận chuyển (km) | Bãi rác tiếp nhận | Tần suất thu gom |
|-----|------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Xe ép rác 7T           | Chuyến 1  | Quốc lộ 54                                                    | 6,950                     | 4,00                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Quốc lộ 54                                                    |                           | 4,50                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Quốc Lộ 54 bờ cầu Cái Sơn - cầu Cái Đôi giáp Lấp Vò (5 - 6km) |                           | 7,05                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường nội bộ 1 (Khu công Nghiệp Sông Hậu)                     |                           | 1,00                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường nội bộ 2 (Khu công Nghiệp Sông Hậu)                     |                           | 1,20                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường nội bộ 3 (Khu công Nghiệp Sông Hậu)                     |                           | 0,50                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường nội bộ 4 (Khu công Nghiệp Sông Hậu)                     |                           | 0,37                               | 38,42                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        |           | Tỉnh lộ 851 (điểm đầu giáp xã Long Hậu ra tới Sông Hậu)       |                           | 2,80                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Khu chợ Tân Thành + Cụm Dân Cư                                |                           | 0,90                               |                                       |                   |                  |
| 2   | Xe ép rác 1,5T         | Chuyến 1  | ĐH 66 (ấp An Ninh + ấp An Hòa)                                | 1,51                      | 5,10                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | ĐH 64                                                         |                           | 2,60                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Tuyến nối Quốc lộ 54 - CCN Định An                            |                           | 1,05                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Lộ dale Thủ Sự (từ cầu Út Bên - cầu ranh Định An - Định Yên)  |                           | 1,80                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Lộ kênh 92 (từ Quốc lộ 54 - kênh Thủ Sự)                      |                           | 4,00                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Lộ dale Xếp Bà Vái (bờ phải)                                  |                           | 2,20                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Lộ Mương Khai (từ cầu Cái Súc trong - cầu Thăng Long)         |                           | 4,50                               | 45,95                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        |           | Cái Súc                                                       |                           | 1,10                               |                                       |                   |                  |

| Stt | Phương tiện vận chuyển | Chuyến xe | Tên tuyến đường                            | Khối lượng rác (tấn/ngày) | Chiều dài tuyến đường thu gom (km) | Chiều dài tuyến đường vận chuyển (km) | Bãi rác tiếp nhận | Tần suất thu gom |
|-----|------------------------|-----------|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------|
|     |                        | Chuyến 2  | Lộ dale Xếp Bà Vái (bờ trái)               | 1,48                      | 2,20                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Đường huyện 66                             |                           | 4,50                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Tuyến dân cư 26/3B                         |                           | 0,456                              |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | ĐH 66 cũ (từ mũi tàu giáp QL54 - Cầu Đình) |                           | 1,00                               | 31,66                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
| 3   | Xe ép rác 1,2T (1)     | Chuyến 1  | Tuyến An Lợi B                             | 1,23                      | 1,50                               | 24,90                                 | Bãi rác Hòa Thành | 01 lần/ngày      |
|     |                        | Chuyến 2  | Tuyến dân cư An Lợi B                      | 1,18                      | 1,50                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Thủ Sự                                     |                           | 1,65                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Ngã Bát (bờ trái)                          |                           | 1,90                               | 28,25                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        | Chuyến 3  | Bàu Bùn                                    | 1,16                      | 2,20                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Ngã Bát (bờ phải)                          |                           | 1,90                               | 28,80                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        |           | Rạch Thầy Năm (02 bờ)                      |                           | 1,50                               |                                       |                   |                  |
| 4   | Xe ép rác 1,2T (2)     | Chuyến 1  | Rạch Ba Cải (02 bờ)                        | 1,07                      | 2,40                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Rạch Ba Chôm (02 bờ)                       |                           | 1,00                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Rạch Cái Đôi                               |                           | 3,00                               | 26,00                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        | Chuyến 2  | Rạch Ong (02 bờ)                           | 0,93                      | 0,80                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Rạch Đầu Ma - Chợ                          |                           | 0,40                               | 21,70                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        | Chuyến 3  | Đường Kinh Ông Phật                        | 1,18                      | 2,50                               | 26,52                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |

| Stt | Phương tiện vận chuyển | Chuyến xe | Tên tuyến đường                            | Khối lượng rác (tấn/ngày) | Chiều dài tuyến đường thu gom (km) | Chiều dài tuyến đường vận chuyển (km) | Bãi rác tiếp nhận | Tần suất thu gom |
|-----|------------------------|-----------|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------|
| 5   | Xe ép rác 1,2T (3)     |           | Đường Kinh Ông Phậ (bờ nghịch)             |                           | 2,30                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Rạch Cái Sơn Bên Phải                      |                           | 1,44                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Rạch Cái Sơn 4                             |                           | 3,14                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường Bò Đề Vô Khu Dân Cư Sông Hậu         |                           | 0,30                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Cụm đường nội bộ 1 (Khu Dân Cư Sông Hậu)   |                           | 1,29                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Cụm đường nội bộ 2 (Khu Dân Cư Sông Hậu)   |                           | 1,40                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Cụm đường nội bộ 3 (Khu Dân Cư Sông Hậu)   |                           | 1,15                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Cụm đường nội bộ 4 (Khu Dân Cư Sông Hậu)   |                           | 1,40                               |                                       |                   |                  |
|     |                        | Chuyến 1  | Cầu Phụ Thành (rạch tắt cây me)            | 1,15                      | 1,14                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Rạch Tắt Cây Me (bờ trái)                  |                           | 0,68                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Sông Lai Vung (bờ phải) + Rạch Cái Ngang   |                           | 3,10                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Sông Lai Vung (bên trái)                   |                           | 2,66                               | 19,08                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        |           | Đường Cua Đình (trên, dưới)                |                           | 1,00                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Huyện Lộ số 2 + Rạch chùa                  | 1,05                      | 2,15                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        | Chuyến 2  | Đường rạch Bà Đập + Rạch Bà Đạo            |                           | 0,65                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường Cái Ngay                             |                           | 0,37                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường Cái đôi (bên phải)                   |                           | 0,50                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Tuyến Đường Cái Sơn lớn ranh xã Tân Thành  |                           | 1,01                               | 19,58                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        | Chuyến 3  | Đường Huyện lộ Ngô Gia Tự (đoạn Tân Phước) | 1,28                      | 2,00                               |                                       |                   |                  |

| Stt | Phương tiện vận chuyển | Chuyến xe | Tên tuyến đường                                                                                       | Khối lượng rác (tấn/ngày) | Chiều dài tuyến đường thu gom (km) | Chiều dài tuyến đường vận chuyển (km) | Bãi rác tiếp nhận | Tần suất thu gom |
|-----|------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------|
|     |                        |           | Đường Cua Đình đi qua 03 xã (Tân Phước, Tân Thành, Long Hậu)                                          |                           | 1,00                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Đường Phía Nam rạch Mương Khai ấp Tân Thuận - đi Đình Yên, H.Lấp Vò                                   |                           | 1,00                               | 20,90                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
| 6   | Xe ép rác 1,2T (4)     | Chuyến 1  | Đường rạch Gia Xẻo Lò - Đi Tân Thành                                                                  | 1,23                      | 2,00                               | 27,50                                 | Bãi rác Hòa Thành | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Đường đông rạch Ngang                                                                                 |                           | 1,50                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường phía Đông Kênh Mới ấp Tân Thạnh đi xã Vĩnh Thạnh, Lấp Vò và Đường Phía Tây Kênh Mới (Tân Thuận) |                           | 2,13                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường Phía Bắc Kênh Mương Khai (Tân Thuận) đi Tân Thành                                               |                           | 3,67                               |                                       |                   |                  |
|     |                        | Chuyến 2  | Đường phía Đông kênh ông đình (Ấp Tân Phú) và Đường phía Tây kênh ông Đình (ấp Tân Quý)               | 1,24                      | 0,55                               |                                       |                   | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Từ Ngã ba cầu Rạch Dầu đến Miếu Đôi giáp xã Tân Thành                                                 |                           | 2,80                               | 21,46                                 | Bãi rác Hòa Thành |                  |
|     |                        |           | Đường Trái Bầu (qua 4 ấp: Tân Phú, Tân Quý, Tân Thạnh, Tân Mỹ)                                        |                           | 6,61                               |                                       |                   |                  |
|     |                        | Chuyến 3  | Đường Phía Đông Rạch Dầu và Đường Phía Tây rạch Dầu                                                   | 1,18                      | 0,96                               | 21,16                                 | Bãi rác Hòa Thành | 01 lần/ngày      |
|     |                        |           | Đường Phía Đông rạch Đu Đủ                                                                            |                           | 1,00                               |                                       |                   |                  |
|     |                        |           | Đường phía tây Rạch Miếu (Tân Thuận)                                                                  |                           | 2,20                               |                                       |                   |                  |

#### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:*

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác.*

#### **5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

*Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.*